

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**BÁO CÁO TÓM TẮT  
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP ĐẠI HỌC**

**ĐỔI MỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH  
THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH PHỤC VỤ  
YÊU CẦU ĐỔI MỚI CĂN BẢN VÀ TOÀN DIỆN GIÁO DỤC  
ĐẠI HỌC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC**

**Mã số: DH2015-TN01-04**

**Chủ nhiệm đề tài: TS. NGUYỄN HỒNG LIÊN**

**THÁI NGUYÊN, NĂM 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**BÁO CÁO TÓM TẮT  
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP ĐẠI HỌC**

**ĐỔI MỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH  
THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH PHỤC VỤ  
YÊU CẦU ĐỔI MỚI CĂN BẢN VÀ TOÀN DIỆN GIÁO DỤC  
ĐẠI HỌC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC**

**Mã số: DH2015-TN01-04**

**Xác nhận của tổ chức chủ trì**  
*(ký, họ tên, đóng dấu)*

**Chủ nhiệm đề tài**  
*(ký, họ tên)*

**TS. Nguyễn Hồng Liên**

**THÁI NGUYÊN, NĂM 2019**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA ĐỀ TÀI**

<b>Stt</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn</b>
1.	TS. Nguyễn Hồng Liên	Ban KHTC - ĐHTN giảng viên kiêm nhiệm - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.
2.	ThS. Lưu Thị Thu Hương	Ban Kế hoạch Tài chính - ĐHTN
3.	ThS. Hoàng Tuấn Anh	Ban Kế hoạch Tài chính - ĐHTN
4.	ThS. Hoàng Minh Đạo	Ban Kế hoạch Tài chính - ĐHTN
5.	ThS. Dương Thế Ngọc	Ban Kế hoạch Tài chính - ĐHTN
6.	ThS. Phan Thị Vân Giang	Ban Kế hoạch Tài chính - ĐHTN
7.	ThS. Lê Thị Hoài Anh	Ban Kế hoạch Tài chính - ĐHTN
8.	ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Ban Kế hoạch Tài chính - ĐHTN

## MỤC LỤC

	Trang
<b>DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA ĐỀ TÀI.....</b>	<b>i</b>
<b>MỤC LỤC.....</b>	<b>ii</b>
<b>DANH MỤC BẢNG BIỂU.....</b>	<b>iv</b>
<b>THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....</b>	<b>v</b>
<b>LỜI MỞ ĐẦU.....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu đề tài.....	1
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	1
4. Phương pháp nghiên cứu.....	2
5. Nội dung nghiên cứu.....	2
6. Bố cục của đề tài.....	2
<b>TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO.....</b>	<b>2</b>
1.1. Cơ sở lý luận về đơn vị sự nghiệp công lập.....	2
1.1.1. Khái niệm đơn vị sự nghiệp công lập, và đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.....	2
1.1.2. Phân loại đơn vị sự nghiệp công lập.....	2
1.1.3. Đặc điểm tổ chức hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.....	2
1.2. Cơ sở lý luận về công tác tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.....	3
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của công tác tự chủ tài chính.....	3
1.2.2. Đơn vị sự nghiệp giáo dục được quyền tự chủ trong các hoạt động.....	3
1.2.3. Nội dung công tác tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.....	3
1.2.4. Các nguyên tắc thực hiện quyền tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập.....	4
1.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến nội dung công tác tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.....	4
1.3. Cơ sở thực tiễn về công tác tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công.....	4
1.3.1. Kinh nghiệm tự chủ tài chính của một số trường trên cả nước.....	4
1.3.2. Bài học kinh nghiệm về tự chủ tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên.....	4
<b>Chương 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....</b>	<b>5</b>
2.1. Câu hỏi nghiên cứu.....	5
2.2. Phương pháp nghiên cứu.....	5
2.2.1. Tiếp cận nghiên cứu.....	5
2.2.2. Phương pháp thu thập thông tin.....	5
2.2.3. Phương pháp xử lý thông tin.....	5
2.2.4. Phương pháp phân tích thông tin.....	5
2.3. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu.....	5
<b>Chương 3 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỰ CHỦ TÀI CHÍNH.....</b>	<b>5</b>
<b>TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THUỘC ĐẠI HỌC THÀNH VIÊN THUỘC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN.....</b>	<b>5</b>
3.1. Giới thiệu chung về Đại học Thái Nguyên.....	5
3.1.1. Lịch sử phát triển.....	5
3.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, tầm nhìn và sứ mệnh.....	6
3.1.3. Tổ chức bộ máy.....	6
3.1.4. Tình hình đội ngũ cán bộ, công tác kế toán và công tác đào tạo.....	6

3.2. Thực trạng công tác tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên.....	7
3.2.1. Sự hình thành cơ chế tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên.....	7
3.2.2. Thực trạng nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên.....	7
3.2.3. Thực trạng sử dụng nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên.....	9
3.2.4. Thực trạng quản lý và sử dụng tài sản .....	11
3.2.5. Thực trạng công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động tài chính .....	11
3.3. Yếu tố ảnh hưởng đến tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên .....	11
3.3.1. Yếu tố khách quan.....	11
3.3.2. Yếu tố chủ quan .....	11
3.4. Đánh giá chung về công tác tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên .....	11
3.4.1. Kết quả đạt được .....	12
3.4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.....	12
<b>Chương 4 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CÔNG TÁC TỰ CHỦ TÀI CHÍNH TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THÀNH VIÊN THUỘC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN...13</b>	
4.1. Định hướng phát triển Đại học Thái Nguyên và quan điểm tăng cường cơ chế tự chủ về tài chính của Đại học Thái Nguyên.....	13
4.1.1. Định hướng phát triển Đại học Thái Nguyên.....	13
4.1.2. Quan điểm tăng cường cơ chế tự chủ về tài chính của Đại học Thái Nguyên.....	13
4.2. Giải pháp nâng cao công tác tự chủ tài chính của các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên.....	13
4.2.1. Giải pháp về chính sách .....	13
4.2.2. Đa dạng hóa nguồn thu .....	13
4.2.3. Phân bổ hợp lý nguồn kinh phí cho nhiệm vụ chi thường xuyên, đảm bảo các khoản chi được thực hiện một cách tiết kiệm, hiệu quả .....	14
4.2.4. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý tài chính .....	14
4.2.5. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và công khai tài chính nhằm nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm.....	14
4.2.6. Tăng cường công tác quản lý tài sản và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác chuyên môn nghiệp vụ.....	14
4.3. Kiến nghị.....	14
4.3.1. Kiến nghị về phía các cơ sở giáo dục thành viên .....	14
4.3.2. Kiến nghị về phía các cơ quan quản lý nhà nước.....	15
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>15</b>

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

	Trang
Bảng 3.8. Tổng hợp nguồn thu hoạt động SXKD tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc ĐHTN.....	8
Bảng 3.9. Cơ cấu chi từ nguồn NSNN cấp năm 2013- 2015 .....	9
Bảng 3.10. Cơ cấu các khoản chi thường xuyên (tự chủ) của các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc ĐHTN.....	9
Bảng 3.11. Cơ cấu chi không thường xuyên của các cơ sở giáo dục đại học thành viên.....	10
Bảng 3.12. Cơ cấu các khoản chi sự nghiệp và chi khác của các cơ sở giáo dục đại học thành viên.....	10

## THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Thông tin chung

- Tên đề tài: Đổi mới công tác quản lý tài chính thực hiện cơ chế tự chủ tài chính phục vụ yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học của Đảng và Nhà nước.
- Mã số: ĐH2015 - TN01 - 04.
- Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Hồng Liên.
- Tổ chức chủ trì: Đại học Thái Nguyên.
- Thời gian thực hiện: Từ tháng 1/2015 đến tháng 12/2016 (gia hạn 6 tháng).

### 2. Mục tiêu

Nghiên cứu điều tra đánh giá tổng quan về công tác quản lý tài chính tại Đại học Thái Nguyên từ đó chỉ ra những vấn đề và hạn chế trong quá trình thực hiện các quy định và chính sách của Nhà nước và đề xuất một số giải pháp đổi mới công tác quản lý tài chính để nâng cao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học trong trường Đại học Thái Nguyên, tham gia vào việc thực hiện chiến lược đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học theo tinh thần các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

### 3. Tính mới và sáng tạo

Đề tài là cơ sở lý luận và thực tiễn giúp nâng cao công tác tự chủ tài chính các cơ sở giáo dục Đại học thành viên thuộc đại học Thái Nguyên trong thời gian tới. Vì vậy nó có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cho sự phát triển của một đơn vị sự nghiệp có thu. Bên cạnh đó kết quả của đề tài có thể được vận dụng trên cơ sở có sự điều chỉnh phù hợp cho các đơn vị có sự tương đồng. Từ đó, kết quả của đề tài sẽ làm cơ sở cho các nhà quản lý của Đại học Thái Nguyên và các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên trong công tác quản lý tài chính nói chung và tự chủ tài chính nói riêng.

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu có thể làm cơ sở tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, và những người quan tâm tới các vấn đề về tài chính và quản lý kinh tế.

### 4. Kết quả nghiên cứu

Qua nghiên cứu đề tài đã có một số kết quả chính:

- Đánh giá được thực trạng công tác quản lý tài chính tại Đại học Thái Nguyên. Thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện Nghị định 43/NĐ-CP. Đề ra giải pháp đổi mới cơ chế tài chính và định hướng thực hiện quy chế tự chủ theo Nghị định số 16/NĐ-CP tại Đại học Thái Nguyên phục vụ mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Đại học.
- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy định trong công tác quản lý tài chính. Xây dựng các quy định trong công tác quản lý tài chính, xây dựng quy trình thanh toán, thống nhất hệ thống tài khoản, hệ thống mục lục NSNN dùng trong khối cơ quan Đại học Thái Nguyên.
- Công nghệ thông tin trong quá trình quản lý tài chính: lựa chọn được phần mềm ứng dụng cho công tác quản lý tài sản phù hợp trong toàn Đại học, hoàn thiện hệ thống mã tài sản. Các quy trình được công khai trên website tạo điều kiện thuận tiện cho người sử dụng.

### 5. Sản phẩm

#### 5.1. Sản phẩm khoa học

- Lê Thị Hoài Anh (2016), "Tăng cường tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*, 152(07/1), tr. 203-208.

- Nguyễn Hồng Liên (2017), "Mô hình tự chủ hoàn toàn của các cơ sở giáo dục đại học", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*. Đã được chấp nhận đăng.

**5.2. Sản phẩm ứng dụng**

- Quy chế chi tiêu nội bộ
- Quy trình thanh toán, hạch toán kế toán trong đơn vị HCSN
- Hệ thống Mục lục NSNN dùng cho lập báo cáo tài chính trong ĐHTN
- Hệ thống Mã danh mục tài sản áp dụng trong quản lý tài sản của ĐHTN

**6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu**

Đề tài hoàn thiện sẽ cơ bản hoàn thành cơ chế quản lý tài chính và các văn bản hướng dẫn công tác quản lý tài chính, tài sản tại Đại học Thái Nguyên, thực hiện cơ chế tự chủ tài chính phục vụ yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học của Đảng và Nhà nước.

**Cơ quan chủ trì**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày      tháng      năm 2019  
**Chủ nhiệm đề tài**

**TS. Nguyễn Hồng Liên**



MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING  
**THAI NGUYEN UNIVERSITY**

---

## INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

### 1. General information

- Project title: Renovation of the financial management to implement the financial autonomy mechanism serving the fundamental and comprehensive renewal of higher education of the Party and the State.

- Code: ĐH2015 - TN01 - 04.

- Coordinator: PhD. Nguyen Hong Lien

- Implementing organization: Thai Nguyen University

- Duration: 1/2015 - 12/2016 (extended 10 months due to the decision to deliver and contract signed from October 2015 and apply for extension of 6 months).

### 2. Objectives

The study on the overall financial management of Thai Nguyen University to show the problems and limitations in implementing the regulations and policies of the State and propose some solutions to renovate financial management to improve the autonomy of tertiary education institutions in Thai Nguyen University, to participate in implementing the basic and comprehensive renovation strategy of tertiary education according to the spirit of resolutions and directives of the Party and State of Vietnam.

### 3. Creativeness and innovativeness

The project is the theoretical and practical basis to improve the financial autonomy of higher education institutions of Thai Nguyen University in the coming time. Thus it has scientific and practical significance for the development of a revenue-generating unit. In addition, the results of the thesis can be applied on the basis of appropriate adjustments for units with similarities. Since then, the results of the thesis will be the basis for the managers of Thai Nguyen University and its member institutions of Thai Nguyen University in the financial management in general and self-control in particular.

In addition, research results can serve as a reference basis for researchers, and those interested in financial and economic management issues.

### 4. Research results

The study has several main results:

- Assessment of financial management practice at Thai Nguyen University. Achievements and limitations in the implementation of Decree 43/NĐ-CP. Introduce a solution to renovate the financial mechanism and orient the implementation of the autonomy regime under Decree No. 16/NĐ-CP at Thai Nguyen University for the purpose of fundamental and comprehensive renewal of higher education.

- To complete the system of documents stipulated in the financial management. Develop regulations on financial management, formulate payment process, unify the system of accounts, index system of the state budget used in the Thai Nguyen University.

- Information technology in the financial management process: Selecting suitable software for asset management in the university, completing the system of asset code. The procedures are public on the website to facilitate the user.

## **5. Products**

### **5.1. Scientific products**

- Le Thi Hoai Anh (2016), "Enhancing financial autonomy in Thai Nguyen University's member institutions", *Journal of Science and Technology - Thai Nguyen University*, 152(07/1), pp. 203-208.

- Nguyen Hong Lien (2017), "The complete autonomy model of higher education institutions", *Journal of Science and Technology - Thai Nguyen University*. Has been accepted for posting.

### **5.2. Application products:**

- Internal spending rules
- The process of payment and accounting in non-business administrative units
- State budget index system used for making financial statements in TNU
- The asset code system applied in the management of assets of TNU

## **6. Transfer alternatives, application institutions, impacts and benefits of research results**

The final project will basically complete the financial management mechanism and documents guiding the management of finance and property at Thai Nguyen University and the financial autonomy mechanism will be implemented to meet the requirements of fundamental and comprehensive renovation of higher education of the Party and State.

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Tài chính là một nguồn lực rất quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của giáo dục, trong đó có giáo dục đại học. Bởi lẽ, có nguồn lực tài chính, chúng ta mới có cơ sở để phát triển các nguồn lực khác như con người, cơ sở vật chất, nghiên cứu khoa học... những yếu tố quyết định đến chất lượng giáo dục.

Đại học Thái Nguyên được thành lập theo Nghị định số 31/1994/NĐ-CP ngày 4 tháng 4 năm 1994 của Chính Phủ trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các trường đại học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Sau 20 năm xây dựng và phát triển, Đại học Thái Nguyên đã không ngừng phát triển và hoàn thiện theo mô hình đầy đủ của một đại học vùng, đa cấp, đa ngành bao gồm: các đơn vị quản lý, các đơn vị đào tạo, các đơn vị nghiên cứu và các đơn vị phục vụ đào tạo. Hiện nay, Đại học Thái Nguyên có 10 đơn vị thực hiện nhiệm vụ giáo dục đào tạo: trong đó có 8 đơn vị giáo dục đại học, cao đẳng thành viên và hai khoa trực thuộc ĐHTN (Khoa Ngoại Ngữ và Khoa Quốc Tế).

Cơ chế tự chủ tài chính trong các cơ sở giáo dục đã tạo động lực quan trọng cho các cơ sở giáo dục thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên nâng cao tính tự chủ, gắn với tự chịu trách nhiệm trong khai thác, phát huy tiềm năng, tăng nguồn tài chính cho nhà trường, tăng cường tái đầu tư cơ sở vật chất, đặc biệt các Trường đã chủ động sử dụng nguồn tài chính đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Tuy nhiên, sau thời gian chín năm thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ vẫn còn một số mặt hạn chế, tồn tại, đòi hỏi cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Để thực hiện đổi mới cơ chế quản lý tài chính đơn vị sự nghiệp công, ngày 14/2/2015 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Nghị định này có một số điểm mới so với Nghị định số 43/2006/NĐ-CP trước đây: trong việc quy định giá và lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công, đổi mới phương thức bố trí dự toán ngân sách, cho phép đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, được quyết định mức trích quỹ bổ sung thu nhập,...

Do vậy, cần thiết phải thực hiện việc đổi mới công tác quản lý tài chính nhằm tăng cường tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục cho phù hợp với các chủ trương, định hướng về tự chủ tài chính trong giai đoạn mới phục vụ mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Đại học.

Xuất phát từ lý do trên đề tài nghiên cứu "*Đổi mới công tác quản lý tài chính thực hiện cơ chế tự chủ tài chính phục vụ yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học của Đảng và Nhà nước*" được chọn làm đề tài nghiên cứu khoa học năm 2015-2016.

### 2. Mục tiêu đề tài

Nghiên cứu điều tra đánh giá tổng quan về công tác quản lý tài chính tại Đại học Thái Nguyên từ đó chỉ ra những vấn đề và hạn chế trong quá trình thực hiện các quy định và chính sách của Nhà nước và đề xuất một số giải pháp đổi mới công tác quản lý tài chính để nâng cao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học trong trường Đại học Thái Nguyên, tham gia vào việc thực hiện chiến lược đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học theo tinh thần các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

### 3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

#### 3.1. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của Đề tài là công tác quản lý tài chính theo cơ chế tự chủ.

#### 3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nghiên cứu là công tác quản lý tài chính theo cơ chế tự chủ tại của các đơn vị tại Đại học Thái Nguyên giai đoạn từ 2009-2014.

#### 4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp chuyên khảo, nghiên cứu tài liệu
- Phương pháp điều tra, khảo sát
- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp phân tích, tổng hợp

#### 5. Nội dung nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ chế tự chủ tài chính để áp dụng trong công tác quản lý tài chính tại Đại học Thái Nguyên
- Hoàn thiện cơ chế tài chính theo hướng nâng cao chất lượng đào tạo phục vụ mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Đại học
- Công nghệ thông tin trong quá trình quản lý tài chính

#### 6. Bố cục của đề tài

Nội dung của đề tài ngoài phần mở đầu, kết luận, đề tài được thể hiện ở 4 chương:

**Chương 1:** Cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

**Chương 2:** Phương pháp nghiên cứu.

**Chương 3:** Thực trạng công tác tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục thuộc Đại học Thái Nguyên.

**Chương 4:** Một số giải pháp nâng cao công tác tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục Đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên.

### Chương 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CÔNG TÁC TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

### 1.1. Cơ sở lý luận về đơn vị sự nghiệp công lập

#### 1.1.1. Khái niệm đơn vị sự nghiệp công lập, và đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục

Đơn vị sự nghiệp công lập là những tổ chức được thành lập để thực hiện các hoạt động sự nghiệp, không nằm trong những ngành sản xuất ra của cải vật chất những hoạt động này nhằm duy trì và đảm bảo sự hoạt động bình thường của xã hội, mang tính chất phục vụ là chủ yếu, không vì mục tiêu lợi nhuận.

#### 1.1.2. Phân loại đơn vị sự nghiệp công lập

Có rất nhiều tiêu thức để phân loại ĐVSN. Nghiên cứu sẽ tiến hành phân loại dựa vào các tiêu thức sau:

- \* Căn cứ vào cấp quản lý, ĐVSN được phân loại thành:
- \* Căn cứ vào từng lĩnh vực hoạt động sự nghiệp cụ thể, ĐVSN bao gồm:
- \* Căn cứ vào nguồn thu thì ĐVSN được chia thành hai loại:

#### 1.1.3. Đặc điểm tổ chức hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

Hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập có những đặc trưng cơ bản sau:

*Thứ nhất, hoạt động sự nghiệp có xu hướng cung cấp các loại hàng hóa, dịch vụ có tính chất của hàng hóa công cộng.*

*Thứ hai, hoạt động sự nghiệp không nhằm mục đích thu lợi nhuận trực tiếp.*

*Thứ ba, hoạt động sự nghiệp luôn gắn liền và bị chi phối bởi các chương trình phát triển kinh tế xã hội và ngân sách của Nhà nước.*

*Thứ tư, sản phẩm của các hoạt động sự nghiệp có tính ích lợi chung và lâu dài.*

## **1.2. Cơ sở lý luận về công tác tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục**

### **1.2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của công tác tự chủ tài chính**

#### *1.2.1.1. Khái niệm*

Xét trên góc độ quản lý tài chính, cơ chế tự chủ tài chính là việc cơ quan quản lý cấp trên (chủ thể quản lý) cho phép đơn vị cấp dưới (chủ thể bị quản lý) được phép chủ động điều hành, tự quyết các hoạt động tài chính trong khuôn khổ pháp luật về quản lý tài chính với mục đích nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

Tự chủ tài chính và tự chịu trách nhiệm luôn gắn liền với nhau để nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị và đảm bảo hoạt động đó luôn đúng theo quy định của pháp luật.

Cơ chế quản lý tài chính còn là mối quan hệ tài chính theo phân cấp:

- Giữa Chính phủ (Bộ tài chính, Bộ Kế hoạch và đầu tư) với các Bộ, ngành, các địa phương.
- Giữa Bộ chủ quản, Bộ quản lý ngành với các đơn vị trực thuộc ở trung ương; giữa UBND tỉnh với các đơn vị địa phương.
- Giữa các đơn vị sự nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước với các bộ phận, đơn vị dự toán trực thuộc.

Cơ chế TCTC là cơ chế quản lý nhằm tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị SNCT về các mặt hoạt động tài chính, tổ chức bộ máy và sắp xếp lao động qua đó làm tăng chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ công của đơn vị.

#### *1.2.1.2. Đặc điểm cơ chế tự chủ tài chính*

Các đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và các đơn vị sự nghiệp công hoạt động trong lĩnh vực giáo dục mang những đặc điểm riêng [12, tr16]. Cụ thể:

*Thứ nhất: Quyền đi đôi với trách nhiệm.*

*Thứ hai: Quyền tự chủ tài chính luôn song hành với các quyền tự chủ trong các hoạt động khác của đơn vị.*

*Thứ ba: Quyền tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công là quyền tự chủ có giới hạn.*

#### *1.2.1.3. Vai trò cơ chế tự chủ tài chính*

Thứ nhất, xác lập và bảo đảm quyền sở hữu của đơn vị sự nghiệp

Thứ hai, xác lập và đảm bảo quyền chủ động sử dụng các nguồn lực tài chính

### **1.2.2. Đơn vị sự nghiệp giáo dục được quyền tự chủ trong các hoạt động**

- \* *Quyền tự chủ trong việc huy động vốn và vay vốn tín dụng*
- \* *Quyền tự chủ về quản lý và sử dụng tài sản*
- \* *Quyền tự chủ trong việc trả tiền lương, tiền công cho người lao động trong đơn vị theo các quy định của pháp luật lao động*
- \* *Quyền tự chủ trong việc phân phối và sử dụng kết quả hoạt động tài chính trong năm*

### **1.2.3. Nội dung công tác tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục**

#### *1.2.3.1. Nguồn thu tài chính*

#### *1.2.3.2. Nội dung các khoản chi*

#### *1.2.3.3. Đơn vị sự nghiệp được tự chủ về các khoản thu và mức thu*

#### *1.2.3.4. Đơn vị sự nghiệp được tự chủ về sử dụng nguồn tài chính (tự chủ các khoản chi)*

#### *1.2.3.5. Tự chủ quyết định kế hoạch sử dụng lao động và xây dựng quỹ tiền lương*

#### *1.2.3.6. Tự chủ trích lập và sử dụng các quỹ.*

#### *1.2.3.7. Tự chủ quản lý và sử dụng vốn, tài sản.*

#### *1.2.3.8. Tự chủ trong việc lập, chấp hành dự toán thu, chi*

#### **1.2.4. Các nguyên tắc thực hiện quyền tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập**

*Một là*, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đối với hoạt động sản xuất hàng hoá, cung cấp dịch vụ (gọi tắt là hoạt động dịch vụ) phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với khả năng chuyên môn và tài chính của đơn vị.

*Hai là*, thực hiện công khai, dân chủ theo đúng quy định của pháp luật.

*Ba là*, thực hiện quyền tự chủ phải gắn liền với tự chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên và trước pháp luật về những quyết định của mình; đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

*Bốn là*, đảm bảo lợi ích của Nhà nước, quyền, nghĩa vụ tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

#### **1.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến nội dung công tác tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục**

##### **1.2.5.1. Nhân tố khách quan**

\* Chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước

\* Điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội

##### **1.2.5.2. Nhân tố chủ quan**

\* Cơ chế quản lý tài chính

\* Công tác tổ chức quản lý thu - chi

\* Trình độ cán bộ quản lý

\* Công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình tài chính của đơn vị

\* Điều kiện cơ sở vật chất của đơn vị sự nghiệp

### **1.3. Cơ sở thực tiễn về công tác tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công**

#### **1.3.1. Kinh nghiệm tự chủ tài chính của một số trường trên cả nước**

##### **1.3.1.1. Kinh nghiệm của Đại học Quốc gia Hà Nội**

##### **1.3.1.2. Kinh nghiệm tự chủ tài chính của Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh**

#### **1.3.2. Bài học kinh nghiệm về tự chủ tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên**

*Một là*, các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên cần thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của Đại học Thái Nguyên trong công tác tự chủ tài chính tại đơn vị mình.

*Hai là*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền đối với lãnh đạo, cán bộ, giảng viên của các đơn vị về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị mình để đội ngũ cán bộ, giảng viên của nhà trường thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy một cách hiệu quả và tiết kiệm.

*Ba là*, Đại học Thái Nguyên tiến hành tổ chức, đánh giá phân loại đơn vị theo các tiêu chí hiện hành. Sắp xếp, tổ chức, cơ cấu lại bộ máy cho phù hợp.

*Bốn là*, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo luật NSNN của ĐH Thái Nguyên và các trường thành viên.

*Năm là*, Đại học Thái Nguyên cần tiến hành theo dõi, thống kê, phân tích, đánh giá lộ trình thực hiện tự chủ tài chính của các cơ sở giáo dục thành viên.

*Sáu là*, bồi dưỡng, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác kế toán tài chính của các cơ sở giáo dục đại học thành viên.

*Bảy là*, huy động tối đa các nguồn lực xã hội trong và ngoài nước để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực giảng dạy và chất lượng điều tra của sinh viên.

*Tám là*, đa dạng hóa các loại hình đào tạo (văn bằng 2, từ xa, liên thông, liên kết...) để từ đó tăng cường các khoản thu.

## **Chương 2** **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Câu hỏi nghiên cứu**

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu của đề tài đề tài mong muốn trả lời cho một số câu hỏi nghiên cứu như sau:

(1) Cơ sở lý luận và thực tiễn nào được sử dụng về công tác tự chủ tài chính của các đơn vị nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực giáo dục?

(2) Thực trạng công tác tự chủ tài chính các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên như thế nào?

(3) Những nhân tố nào ảnh hưởng tới công tác tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên?

(4) Các giải pháp nào góp phần nâng cao cơ chế tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên?

### **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

#### **2.2.1. Tiếp cận nghiên cứu**

#### **2.2.2. Phương pháp thu thập thông tin**

#### **2.2.3. Phương pháp xử lý thông tin**

#### **2.2.4. Phương pháp phân tích thông tin**

*\* Phương pháp thống kê mô tả*

*\* Phương pháp so sánh*

### **2.3. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu**

*\* Nhóm chỉ tiêu phản ánh tình hình chung*

*\* Nhóm chỉ tiêu phản ánh công tác thu:*

*\* Nhóm chỉ tiêu phản ánh công tác chi*

*\* Nhóm chỉ tiêu phản ánh đánh giá của những người có liên quan*

*\* Nhóm chỉ tiêu tổng hợp*

## **Chương 3** **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỰ CHỦ TÀI CHÍNH** **TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THUỘC ĐẠI HỌC THÀNH VIÊN** **THUỘC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

### **3.1. Giới thiệu chung về Đại học Thái Nguyên**

#### **3.1.1. Lịch sử phát triển**

ĐHTN là một trong những trường sớm có hợp tác quốc tế ở Việt Nam. Đến nay, ĐHTN đã thiết lập quan hệ hợp tác với gần 100 trường đại học và tổ chức giáo dục, khoa học công nghệ trên thế giới. Mỗi năm, ĐHTN đón tiếp 600-700 lượt khách nước ngoài đến tham quan, trao đổi kinh nghiệm, kí kết hợp tác, giảng dạy, học tập và thực hiện chương trình dự án,... đồng thời cử khoảng 400-500 cán bộ, giảng viên và sinh viên ra nước ngoài giảng dạy, học tập, tìm kiếm đối tác và kí kết thỏa thuận.

Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển (1994 - 2015), từ lúc ban đầu chỉ có 05 đơn vị thành viên, đến nay ĐHTN đã có 26 đơn vị trực thuộc.

### **3.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, tầm nhìn và sứ mệnh**

#### *3.1.2.1. Chức năng*

#### *3.1.2.2. Nhiệm vụ*

#### *3.1.2.3. Sứ mạng*

#### *3.1.2.4. Tầm nhìn*

### **3.1.3. Tổ chức bộ máy**

#### **3.1.4. Tình hình đội ngũ cán bộ, công tác kế toán và công tác đào tạo**

##### *3.1.4.1. Đội ngũ cán bộ Đại học Thái Nguyên*

Chủ trương chung trong xây dựng đội ngũ cán bộ là: Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ cao (tiên sĩ, thạc sĩ), thành thạo ngoại ngữ (tiếng Anh) và có khả năng sử dụng tốt công nghệ thông tin trong lĩnh vực chuyên môn và quản lý; tăng cường số lượng, chất lượng cán bộ cho một số ngành mới, những ngành mũi nhọn của vùng. Đồng thời với việc tuyển chọn, đào tạo cán bộ trẻ sẽ từng bước xây dựng và hình thành đội ngũ theo hướng có những tập thể khoa học mạnh, tạo nên những mũi nhọn trong đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng; xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp nhân lực hợp lý và có chính sách đồng bộ trong tuyển chọn, sử dụng và đãi ngộ; tăng cường chỉ đạo thống nhất cũng như hoàn thiện tổ chức, phân cấp quản lý cán bộ hợp lý để đáp ứng nhu cầu và quy mô phát triển.

##### *3.1.4.2. Tổ chức bộ máy kế toán*

Tổ chức kế toán gồm 2 bộ phận chính:

(1) Ban Kế hoạch - Tài chính có chức năng tham mưu giúp giám đốc Đại học Thái Nguyên trong công tác xây dựng kế hoạch, quản lý tài chính; thực hiện, theo dõi, giám sát và kiểm tra việc thu chi, sử dụng các nguồn tài chính theo quy định của Nhà nước của toàn Đại học Thái Nguyên

(2) Phòng Kế hoạch-Tài chính trực thuộc các trường có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng trong công tác xây dựng kế hoạch; quản lý tài chính; thực hiện, theo dõi, giám sát và kiểm tra việc thu chi, sử dụng các nguồn tài chính theo quy định của Nhà nước và của Nhà trường.

##### *3.1.4.3. Công tác đào tạo tại Đại học Thái Nguyên*

Kế thừa và phát huy những thành quả xây dựng, phát triển về công tác đào tạo trong hàng chục năm trước đó, công tác đào tạo đại học và sau đại học của ĐHTN giai đoạn 2011 - 2015 đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực và nhu cầu học tập của con em đồng bào các dân tộc trong vùng. Đại học đã mở thêm các ngành nghề đào tạo mới, phù hợp với nhu cầu xã hội, trong đó có 07 chương trình tiên tiến, 03 chương trình đào tạo chất lượng cao. Cùng với phát triển hệ đào tạo chính quy, tiếp tục đa dạng hóa các loại hình đào tạo với các hệ đào tạo vừa học vừa làm, cử tuyển, chuyên tu, văn bằng 2, liên thông, đào tạo từ xa, LKĐTQT.

Giai đoạn 2011 - 2015, ĐHTN đã đào tạo và cấp bằng tiến sĩ cho 126 người, cấp bằng thạc sĩ cho 6.095 người, 544 bác sĩ chuyên khoa cấp I, 223 bác sĩ chuyên khoa cấp II và 34 bác sĩ nội trú bệnh viện.

##### *Phối hợp đào tạo thạc sĩ với các Viện nghiên cứu trong nước*

Trong quá trình phối hợp đào tạo trình độ thạc sĩ với các Viện, hai bên đã có sự trao đổi giảng viên, kinh nghiệm tổ chức đào tạo và quản lý bậc sau đại học. Tận dụng được tối đa CSVC của cả hai phía và sự giúp đỡ về lực lượng cán bộ khoa học đầu ngành tham gia đào tạo ở một số chuyên ngành.



### **3.2. Thực trạng công tác tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên**

#### **3.2.1. Sự hình thành cơ chế tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên**

Trên cơ sở đặc điểm kinh phí và tình hình sử dụng kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nhằm đảm bảo cho việc quản lý, kiểm tra, kiểm soát, cấp phát và sử dụng kinh phí chặt chẽ và có hiệu quả, Giám đốc ĐHTN đã ký quyết định số 1599/QĐ-ĐHTN ngày 17/9/2014 về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Đại học Thái Nguyên (thay thế cho Quyết định số: 444/QĐ-ĐHTN ngày 15/7/2006 của Giám đốc ĐHTN về việc ban hành quy định quyền hạn và trách nhiệm quản lý tài chính - tài sản trong các trường, các đơn vị trực thuộc Đại học Thái nguyên). Trong quy chế đã chỉ rõ các cơ sở giáo dục đại học thành viên phải xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài chính, tài sản của đơn vị theo quy định của Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị. Đồng thời quy chế đã phân cấp về việc thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính trong ĐHTN, đã chỉ rõ thẩm quyền của Giám đốc ĐHTN, của các Hiệu trưởng và đơn vị thành viên trong việc quản lý tài chính và đầu tư xây dựng cơ bản.

#### **3.2.2. Thực trạng nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên**

- Theo Quy chế Quản lý tài chính của Đại học Thái Nguyên thì nguồn thu của các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên gồm:

Nguồn thu của các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên được hình thành một phần từ kinh phí Ngân sách Nhà nước cấp và một phần từ thu sự nghiệp từ các hoạt động cung ứng "dịch vụ công" cho xã hội và thu khác, trong đó nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước cấp vẫn chiếm vai trò quan trọng, mặc dù hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học đã thu hút một nguồn kinh phí không nhỏ từ khoản đóng góp của các cá nhân và các tổ chức có tham gia sử dụng dịch vụ này.

Nguồn kinh phí của đơn vị qua các năm tăng lên rõ rệt, cụ thể:

Nguồn kinh phí hoạt động từ NSNN của các trường Đại học thành viên cấp hàng năm chiếm tỷ trọng trong tổng cơ cấu nguồn thu: năm 2013 là 375.150 triệu đồng (chiếm tỷ trọng là 70,1); năm 2014 là 396.979 triệu đồng (chiếm tỷ trọng là 68,9%) và năm 2015 là 428.737 triệu đồng (chiếm tỷ trọng là 70,9%). Nhìn vào bảng trên ta thấy trong những năm gần đây ngân sách nhà nước cấp tỷ lệ còn cao là do đầu tư vào chi cho phát triển hoạt động sự nghiệp, quản lý hành chính.

Nguồn thu hoạt động sự nghiệp và thu hoạt động SXKD tăng lên đáng kể, năm 2014 là 179.434 triệu đồng tăng 12,3% so với năm 2013. Nguyên nhân do năm 2014 thu học phí, thu lệ phí tuyển sinh, thu ký túc xá, thu khác và thu hoạt động dịch vụ tăng lên đáng kể. Điều này thể hiện qua số lượng HSSV của các trường năm 2014 tăng lên, qui mô đào tạo của các trường được mở rộng và thương hiệu của các trường ngày càng được xã hội biết đến nhiều hơn. Tuy nhiên, năm 2015 là 175.845 triệu đồng giảm (2%) so với năm 2014, do gộp giữa kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia với kỳ thi tuyển sinh đại học dẫn đến số lượng tuyển sinh của các trường giảm đáng kể.

Trường Đại học Khoa học, trường đại học Công nghệ thông tin & Truyền thông và Trường cao đẳng Kinh tế kỹ thuật mặc dù đều có nguồn thu từ NSNN tăng qua 3 năm nhưng nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp và SXKD năm 2015 lại giảm so với năm 2014. Do việc tìm kiếm và khai thác hai nguồn trên còn ít, thậm chí còn trông chờ vào sự cấp phát của NSNN. Về phía nhà nước cũng chưa có cơ chế linh hoạt và sự tin cậy vào các trường để kích thích các trường phát triển và khai thác triệt để các nguồn thu.

Các nguồn thu khác của đơn vị chủ yếu là dịch vụ trông giữ xe, dịch vụ cho thuê cơ sở vật chất giảng dạy, cho thuê cơ sở vật chất tổ chức hội nghị, cho thuê cơ sở vật chất để kinh doanh, tiền ký túc xá, tiền đào tạo cấp chứng chỉ...

Nhìn chung, bước đầu đã cho thấy chất lượng đào tạo của các trường tăng đã thu hút nhiều người học. Đồng thời, thấy được khả năng tự chủ về nguồn tài chính của Trường có sự thay đổi theo chiều hướng tăng lên.

### 3.2.2.1. Nguồn kinh phí do NSNN cấp

Nguồn kinh phí NSNN cấp cho các trường tăng lên qua các năm nhằm đáp ứng hoạt động đào tạo và xây dựng cơ sở vật chất cho đơn vị. Năm 2013 nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản là 12.906 triệu đồng chiếm 3,4% tổng NSNN cấp, năm 2014 tăng lên 38.272 triệu đồng tương ứng chiếm 9,6%. Năm 2015 tăng 3.062 triệu đồng tương ứng 8% so với năm 2014.

Trong tổng cơ cấu nguồn kinh phí hoạt động thì nguồn kinh phí thường xuyên (tự chủ) tăng lên đáng kể: năm 2013 là 111.571 triệu đồng (chiếm tỷ trọng là 30,8%); năm 2014 tăng lên 142.048 triệu đồng (chiếm tỷ trọng là 39,6%) và năm 2015 là 163.097 triệu đồng (chiếm 42,1%).

### 3.2.2.2. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp và hoạt động SXKD

Trong các khoản thu sự nghiệp thì thu học phí là khoản thu chính, chiếm tỷ trọng rất lớn. Năm 2014, thu học phí tăng 15,8%, thu lệ phí tuyển sinh tăng 20,6% so với năm 2013. Tuy nhiên thu ký túc xá giảm 32,3% và thu sự nghiệp khác giảm 31,7%. Nguyên nhân là năm 2014 các trường tuyển sinh được gần như hết chỉ tiêu, mặt khác các trường cải cách tiêu chuẩn đầu ra giúp cho tỷ lệ học sinh ra trường tăng vọt.

Năm 2015 là năm tỷ lệ tuyển sinh của các trường giảm mạnh, mặt khác số học sinh ra trường năm 2014 nhiều dẫn đến thu học phí giảm 14,3% so với năm 2014. Các trường phải tăng cường các nguồn thu khác dẫn đến lệ phí tuyển sinh tăng 24,1%, ký túc xá tăng 178,9%, thu sự nghiệp khác tăng 21,3%.

**Bảng 3.8. Tổng hợp nguồn thu hoạt động SXKD tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc ĐHTN**

TT	Nội dung	Năm 2013	Năm 2014		Năm 2015	
			Thực hiện (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%) năm sau so năm trước	Thực hiện (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%) năm sau so năm trước
1	Lãi suất tiền gửi ngân hàng	664	667	0,4	1.034	55,07
2	Các lớp đào tạo của trung tâm	20.609	20.149	(2,2)	32.127	59,45
3	Cho thuê địa điểm kinh doanh, hợp đồng dịch vụ, sinh viên đi thực tập gắn với lao động sản xuất	2.699	2.511	(6,9)	3.767	50,00
	<b>Tổng cộng</b>	<b>23.971</b>	<b>23.327</b>	<b>(2,7)</b>	<b>36.928</b>	<b>58,31</b>

(Nguồn: Ban KHTC Đại học Thái Nguyên)

Năm 2015 nguồn thu từ hoạt động SXKD tăng lên đáng kể. Điều này thể hiện khả năng tự chủ huy động nguồn thu của các trường tăng lên, cụ thể các khoản thu: Lãi suất tiền gửi tăng 55,07%, các lớp đào tạo của trung tâm tăng 59,45%, cho thuê địa điểm kinh doanh, hợp đồng dịch vụ, sinh viên đi thực tập gắn với lao động sản xuất tăng 50% so với năm 2014.

Như vậy, qua hai bảng trên đã cho thấy rằng tổng nguồn thu sự nghiệp và thu dịch vụ của các trường tăng lên qua các năm. Có thể nhận thấy bước chuyển biến tích cực của Nhà trường trong việc nâng cao năng lực tự chủ về tài chính. Cơ cấu nguồn thu có bước dịch chuyển dần theo hướng tích cực: tỷ trọng nguồn thu sự nghiệp và thu hoạt động dịch vụ có xu hướng tăng lên. Nguồn kinh phí này sẽ góp phần lớn để bổ sung nguồn kinh phí hoạt động đào tạo của Nhà trường, tăng cường trang bị thêm cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy và học tập; một phần dùng để chi trả tiền

lương tăng thêm cho cán bộ, viên chức và người lao động; từng bước cải thiện thu nhập cho cán bộ, viên chức và người lao động cũng như việc trích lập các Quỹ.

### 3.2.3. Thực trạng sử dụng nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên

#### 3.2.3.1. Quản lý chi nguồn kinh phí NSNN cấp cho các trường

**Bảng 3.9. Cơ cấu chi từ nguồn NSNN cấp năm 2013- 2015**

TT	Nội dung	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Thực hiện (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Thực hiện (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Thực hiện (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
A	Nguồn KP hoạt động	362.245	96,6	358.707	90,4	387.403	90,4
1.	Nguồn KP tự chủ (Chi thường xuyên)	111.571		142.048		163097	
	- Sự nghiệp đào tạo	111.571		142.048		163097	
2.	Nguồn KP không tự chủ	250.673		216.659		224.306	
	- Sự nghiệp khoa học	34342		40732		38132	
	- Sự nghiệp đào tạo	216331		175927		186174	
B	Nguồn KP đầu tư XDCB	12.906	3,4	38.272	9,6	41.334	9,6
	<b>Tổng cộng</b>	<b>375.150</b>	<b>100</b>	<b>396.979</b>	<b>100</b>	<b>428.737</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Ban KHTC Đại học Thái Nguyên)

Từ số liệu trên có thể thấy kinh phí chi thường xuyên (tự chủ) và chi không thường xuyên cho Sự nghiệp Đào tạo chiếm tỷ trọng lớn trong tổng cơ cấu chi của các trường. Năm 2013 chi NSNN cho nguồn kinh phí hoạt động là 362.245 triệu đồng, chiếm tỷ trọng là 96,6% trong tổng chi. Năm 2014 là 358.707 triệu đồng, chiếm tỷ trọng là 90,4%; chi Đầu tư XDCB là 38.272 triệu đồng, chiếm tỷ trọng là 9,6% trong tổng chi. Năm 2015 chi nguồn kinh phí hoạt động là 387.403 triệu đồng, chiếm tỷ trọng là 90,4%; chi Đầu tư XDCB là 41.334 triệu đồng, chiếm tỷ trọng là 9,6% trong tổng chi. Các nguồn chi cho kinh phí hoạt động thường rất lớn, chiếm tỷ trọng cao. Song qua các năm từ năm 2013 đến năm 2015 lại có xu hướng giảm dần về kinh phí và tỷ trọng. Nguồn kinh phí đầu tư XDCB tăng nhanh từ mức 12.906 triệu đồng lên mức 41.334 triệu đồng trong giai đoạn 2013-2015. Nhìn chung, kinh phí NSNN cấp cho các trường để thực hiện cho sự nghiệp đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

\* Chi thường xuyên (tự chủ)

**Bảng 3.10. Cơ cấu các khoản chi thường xuyên (tự chủ) của các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc ĐHTN**

TT	Nội dung	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Thực hiện (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Thực hiện (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Thực hiện (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Chi TT cho cá nhân	55.495	49,7	86.081	60,6	106.665	65,4
2	Chi hàng hóa dịch vụ	24.055	21,6	30.966	21,8	34.413	21,1
3	Các khoản chi khác	5.579	5,0	2.841	2,0	7.013	4,3
4	Chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ	26.442	23,7	22.159	15,6	15.005	9,2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>111.571</b>	<b>100,0</b>	<b>142.048</b>	<b>100,0</b>	<b>163.097</b>	<b>100,0</b>

(Nguồn: Ban KHTC Đại học Thái Nguyên)

Từ số liệu trên ta thấy rằng các khoản chi thường xuyên (tự chủ) rải trên 4 nhóm mục chi: chi thanh toán cá nhân, chi hàng hoá, dịch vụ, chi khác và chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ, cụ thể:

Chi thanh toán cho cá nhân, bao gồm: chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp lương; học bổng khuyến khích học tập; tiền thưởng; phúc lợi tập thể; các khoản đóng góp như BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN; tiền lương tăng thêm.

Chi hàng hoá, dịch vụ, bao gồm: chi thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện năng, tiền nước sinh hoạt, nhiên liệu, vệ sinh môi trường); thông tin, liên lạc; vật tư văn phòng; hội nghị; công tác phí; chi phí thuê mướn; chi sửa chữa thường xuyên tài sản cố định; chi phí nghiệp vụ chuyên môn... Khoản chi này năm 2013 chiếm tỷ trọng là 21,6 % trong tổng chi thường xuyên; năm 2014 chiếm tỷ trọng là 21,8% trong tổng chi thường xuyên; năm 2015 chiếm tỷ trọng là 21,1% trong tổng chi thường xuyên.

Chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ: Năm 2013 đã tăng cường cơ sở vật chất, hạ tầng kiến trúc đáp ứng quy mô, loại hình đào tạo của của các trường.

\* Chi không thường xuyên

**Bảng 3.11. Cơ cấu chi không thường xuyên của các cơ sở giáo dục đại học thành viên**

TT	Nội dung	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Thực hiện (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Thực hiện (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Thực hiện (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	<b>Chi TT cho cá nhân</b>	<b>0</b>		<b>0</b>		<b>0</b>	
2	<b>Chi hàng hóa dịch vụ</b> - Sự nghiệp khoa học - Sự nghiệp đào tạo	<b>197.130</b> 37.455 159.675	<b>78,6</b>	<b>216.659</b> 38.999 177.660	<b>100</b>	<b>224.306</b> 35.889 188.417	<b>100</b>
3	<b>Các khoản chi khác</b>	<b>0</b>		<b>0</b>		<b>0</b>	
4	<b>Chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ</b> Sự nghiệp đào tạo - Chương trình mục tiêu quốc gia	<b>53544</b>	<b>21,4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>250.673</b>	<b>100</b>	<b>216.659</b>	<b>100</b>	<b>224.306</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Ban KHTC Đại học Thái Nguyên)

Các khoản chi không thường xuyên của các trường chủ yếu sử dụng chi cho nghiệp vụ chuyên môn về đào tạo, khoa học công nghệ,... Bên cạnh đó, các trường đã chi tăng cường năng lực trang thiết bị Phòng Thực hành Công nghệ kỹ thuật là 6.000 triệu đồng.

### 3.2.3.1. Quản lý các khoản chi từ nguồn thu sự nghiệp và thu khác của các trường đại học thành viên

**Bảng 3.12. Cơ cấu các khoản chi sự nghiệp và chi khác của các cơ sở giáo dục đại học thành viên**

TT	Nội dung	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Thực hiện (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Thực hiện (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Thực hiện (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Chi TT cho cá nhân	62.905	51,1	72.061	50,2	74.727	51,2
2	Chi hàng hóa dịch vụ	33.643	27,3	43.208	30,1	41.742	28,6
3	Các khoản chi khác	26.296	21,4	20.384	14,2	26.125	17,9
4	Chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ	209	0,2	7.895	5,5	3.357	2,3
	<b>Tổng cộng</b>	<b>123.053</b>	<b>100</b>	<b>143.547</b>	<b>100</b>	<b>145.951</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Ban KHTC Đại học Thái Nguyên)

Nguồn thu sự nghiệp từ phí, lệ phí và thu khác được sử dụng để chi các khoản thanh toán cá nhân, chi hàng hoá dịch vụ, chi khác và chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ cho hoạt động thường xuyên của các đơn vị. Các trường đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp được để lại để trang trải các khoản chi phí hoạt động của nhà trường như chi tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, bảo hiểm chiếm đến 50% tổng nguồn chi từ nguồn thu sự nghiệp; chi hàng hoá dịch vụ; mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ chiếm đến gần 30%. Các trường đã sử dụng nguồn kinh phí này để đầu tư mua sắm thêm trang thiết bị giảng dạy, học tập năm 2013 là 209 triệu đồng, năm 2014 là 7.895 triệu đồng và năm 2015 là 3.357 triệu đồng. Đây là dấu hiệu đáng mừng, các trường đang ngày càng nâng cao chất lượng giảng dạy và trang thiết bị phục vụ giảng dạy.

### **3.2.4. Thực trạng quản lý và sử dụng tài sản**

Tính đến 31/01/2015, nguyên giá theo sổ sách kế toán của các trường hiện nay có 626.944 triệu đồng tài sản cố định hữu hình và 150.224 triệu đồng là tài sản cố định vô hình. Tài sản cố định hữu hình bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc thiết bị, ô tô, thiết bị quản lý... Tài sản cố định vô hình gồm có quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính... Chủ yếu với nguồn thu sự nghiệp được để lại, các trường đã sử dụng để tăng cường mua sắm trang thiết bị nhằm phục vụ nhu cầu công tác đào tạo: năm 2013 mua sắm tài sản với số tiền là 6.044 triệu đồng; năm 2014 mua sắm tài sản với số tiền là 2.383 triệu đồng, năm 2015 mua sắm tài sản với số tiền là 3.245 triệu đồng. Như vậy, các trường đã có những nỗ lực để đầu tư cơ sở vật chất của các trường đại học thành viên nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo ngày càng cao cả về số lượng và chất lượng đào tạo.

### **3.2.5. Thực trạng công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động tài chính**

Hiện nay, Trường chưa có bộ phận chuyên trách đảm nhiệm kiểm soát nội bộ nên việc kiểm tra tài chính chỉ diễn ra khi có sự vụ cần thiết hoặc việc tự kiểm tra chỉ mang tính hình thức. Do đó, công tác tự kiểm tra, kiểm soát hoạt động tài chính hiện nay của các trường đại học thành viên còn thực hiện chưa thường xuyên. Bên cạnh đó, các trường chịu sự kiểm tra, kiểm soát tài chính của Kho bạc nhà nước, kiểm toán nhà nước, Thanh tra Bộ... Hàng năm, Vụ KHTC- Bộ Giáo dục, ĐHTN tiến hành thẩm định và xét duyệt quyết toán của các trường.

## **3.3. Yếu tố ảnh hưởng đến tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên**

Qua các năm thực hiện tự chủ tài chính theo nghị định 43/2006/QĐ-CP và thông tư hướng dẫn 71/2006/TT-BTC, các trường đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên đã đạt được những thành tựu đáng kể. Bên cạnh đó vẫn còn những mặt tồn tại cần có biện pháp khắc phục. Trong quá trình thực hiện tự chủ tài chính các đơn vị đều mắc phải những hạn chế, hạn chế đó bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, có thể do nhân tố chủ quan, có thể do nhân tố khách quan tác động đến. Các nhân tố tác động đến bao gồm:

### **3.3.1. Yếu tố khách quan**

3.3.1.1. Chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước

3.3.1.2. Điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội

### **3.3.2. Yếu tố chủ quan**

3.3.2.1. Yếu tố con người

*Nhận thức của CBVC*

*Trình độ năng lực cán bộ quản lý*

*Năng lực trình độ của cán bộ làm công tác tài chính kế toán*

*Trình độ năng lực đội ngũ cán bộ giảng viên*

3.3.2.2. Điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường

3.3.2.3. Mô hình tổ chức các hoạt động của nhà trường

## **3.4. Đánh giá chung về công tác tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên**

Nhìn chung cán bộ viên chức của các cơ sở giáo dục đại học thành viên đánh giá về tổ chức bộ máy quản lý tài chính với điểm số bình quân là 2,75 (mức khá), Điểm cao nhất là tổ chức bộ máy quản lý tài chính của nhà trường với 3,48 (mức Tốt), thấp nhất là chỉ tiêu hiệu quả quản lý công tác tự chủ tài chính chỉ đạt điểm 2,27 (mức trung bình). Bởi vì cán bộ, viên chức các trường chưa thực sự hiểu và có trách nhiệm cao trong công tác tìm kiếm, khai thác, bồi dưỡng nguồn thu, tiết kiệm chi. Phần lớn còn có tâm lý ỷ lại trông chờ vào nguồn kinh phí NSNN cấp, trong sử dụng tài sản vẫn còn thói quen lãng phí của công, cha chung không ai khóc. Hạn chế này có nguyên nhân bắt nguồn

từ công tác tuyên truyền, giáo dục của trường về nội dung nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính cho cán bộ, giáo viên và nhân viên chưa đầy đủ, thường xuyên và có hiệu quả.

**Tóm lại:** Các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên chỉ mới thực hiện được ở mức trung bình điều đó chứng tỏ rằng công tác tự chủ tài chính tuy có đem lại nhiều thuận lợi cho đơn vị sự nghiệp nhưng bên cạnh đó cũng không ít khó khăn mà đơn vị sự nghiệp phải gánh chịu trong đó có nguồn thu còn phải phụ thuộc vào chính sách của Nhà nước. Do vậy trong quá trình thực hiện công tác tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên cần:

Thứ nhất: Về mặt nhận thức và quan điểm

Thứ hai: Về nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp.

Thứ ba: Về công tác quản lý và thực thi quyền tự chủ về chi.

Từ những đánh giá chung về công tác tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên cho ta thấy những kết quả đã đạt được cũng như những tồn tại về công tác tự chủ tài chính như sau:

#### **3.4.1. Kết quả đạt được**

Sau khi thực hiện cơ chế tự chủ số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006, thông tư hướng dẫn số 71/2006/TT-BTC, ngày 09/8/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; các trường đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên đã đạt được một số thành tựu sau:

Thứ nhất, thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đã tạo cho các đơn vị chủ động sử dụng nguồn lực tài chính, lao động, cơ sở vật chất để thực hiện nhiệm vụ được giao; chủ động phân bổ nguồn tài chính của đơn vị theo nhu cầu chi tiêu trên tinh thần tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả; khuyến khích đơn vị tăng cường mở rộng, khai thác nguồn thu góp phần vào việc mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học thành viên.

Thứ hai, các trường Đại học thành viên đã thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về cơ chế quản lý tài chính:

Thứ ba, thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đã góp phần tăng tính tự chủ động trong chi tiêu và thúc đẩy tiết kiệm chi tiêu của các trường đại học thành viên.

Thứ tư, thu nhập bình quân của người lao động từng bước được cải thiện, việc chi trả thu nhập cho từng người lao động trong đơn vị do Thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ gắn với hiệu suất công tác, không trả bình quân cào bằng; điều đó đã góp phần thu hút được lao động có trình độ vào làm việc tại các đơn vị, hạn chế nạn chảy máu chất xám.

Thứ năm, thực hiện cơ chế tự chủ tài chính góp phần tăng cường cơ sở vật chất nhằm phục vụ quá trình giảng dạy, quản lý và học tập cho sinh viên.

#### **3.4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

##### **3.4.2.1. Những tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được các trường đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên còn gặp một số khó khăn đó là:

Thứ nhất: Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định chỉ tiêu tuyển sinh và mức thu học phí.

Thứ hai: Trong lộ trình trao quyền tự chủ tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang từng bước cắt giảm ngân sách đối với các trường đại học công lập.

Thứ ba, các trường đại học thành viên không được quyền chủ động trong việc xác định mức học phí khiến không chủ động được nguồn vốn đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị.

Thứ tư, còn một số hoạt động trong quá trình đào tạo không có định mức chi dẫn đến người lao động (giảng viên) bỏ công sức nhiều nhưng không trả được thù lao xứng đáng.

##### **3.4.2.2. Một số nguyên nhân**

Bên cạnh những mặt tích cực và kết quả đạt được cơ chế TCTC vẫn còn có những mặt tồn tại và cần phải khắc phục và tiếp tục đổi mới ở cả cấp độ vĩ mô quản lý nhà nước, bản thân Đại học Thái Nguyên và các trường đại học thành viên. Cụ thể:

Thứ nhất, các quy định về thu, quản lý và sử dụng học phí chưa phù hợp với cơ chế TCTC, cơ chế cải cách tiền lương, rất khó khăn khi thực hiện các tỷ lệ chi theo quy định.

Thứ hai, Bộ máy tổ chức quản lý tài chính, trình độ của đội ngũ cán bộ tài chính kế toán của một số trường chưa đáp ứng được yêu cầu khi chuyển sang cơ chế tự chủ tài chính, chưa thực hiện đầy đủ chức năng tham mưu về tài chính cho cán bộ lãnh đạo của nhà trường.

Thứ ba, một số chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực GD - ĐT không còn phù hợp nhưng chưa được sửa đổi đặc biệt là chế độ thu học phí và việc khống chế chỉ tiêu tuyển sinh đối với các hình thức đào tạo.

Thứ tư, so với chiến lược phát triển quy mô đào tạo của Nhà trường thì số lượng giảng viên hiện nay vẫn còn thiếu và yếu do còn trẻ không có kinh nghiệm.

Thứ năm, tính tự chủ trong việc khai thác nguồn thu của các trường đại học thành viên còn gặp nhiều hạn chế.

Thứ sáu, các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành còn thiếu đồng bộ khiến cho việc định ra mức thu học phí và phương thức thức thu chưa hợp lý.

Thứ bảy, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế vẫn bị giới hạn bởi thang bảng lương, ngạch, bậc theo quy định của Nhà nước nên khó khăn trong việc thu hút và giữ chân những cán bộ có trình độ chuyên môn cao.

## **Chương 4**

### **MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CÔNG TÁC TỰ CHỦ TÀI CHÍNH TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THÀNH VIÊN THUỘC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

#### **4.1. Định hướng phát triển Đại học Thái Nguyên và quan điểm tăng cường cơ chế tự chủ về tài chính của Đại học Thái Nguyên**

##### **4.1.1. Định hướng phát triển Đại học Thái Nguyên**

Chiến lược phát triển của Đại học Thái Nguyên đến năm 2020: Phương hướng chung của Đại học Thái Nguyên từ nay đến năm 2015 là “Tiếp tục phát huy mọi nguồn lực xây dựng Đại học Thái Nguyên thành đại học trọng điểm; trung tâm đào tạo, nghiên cứu chất lượng cao của vùng trung du, miền núi phía Bắc, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa”, tiến tới thực hiện thắng lợi “Đề án quy hoạch phát triển Đại học Thái Nguyên thành đại học trọng điểm; trung tâm đào tạo, khoa học của vùng đến năm 2020” đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Trong thời gian tới Đại học tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp nhằm đạt mục tiêu phát triển của ĐHTN giai đoạn 2010 - 2015 và tầm nhìn đến 2020 đó là “tập trung đổi mới phương thức tổ chức đào tạo, phương pháp và nội dung đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu thực tiễn xã hội” nhằm thực hiện chủ trương chung của đại học là Quy hoạch phát triển ĐHTN thành Đại học trọng điểm; trung tâm đào tạo, nghiên cứu của vùng trung du miền núi phía Bắc.

##### **4.1.2. Quan điểm tăng cường cơ chế tự chủ về tài chính của Đại học Thái Nguyên**

- Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính của trường;
- Đa dạng hoá các nguồn tài chính đảm bảo các yêu cầu hoạt động của trường;
- Đổi mới phương thức, chất lượng hoạt động đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhân dân;
- Sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giảm biên chế, góp phần tăng thu nhập cho người lao động.

#### **4.2. Giải pháp nâng cao công tác tự chủ tài chính của các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên**

##### **4.2.1. Giải pháp về chính sách**

- Nhà nước cần tạo hành lang pháp lý thông thoáng hơn để phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo của các trường đại học.

- Nhà nước cần có chính sách mở hơn trong với việc giao chỉ tiêu tuyển sinh cho các trường. Hiện nay, do nguồn thu chủ yếu của các đơn vị là dựa vào nguồn thu học phí, vì vậy việc giao chỉ tiêu tuyển sinh cho các trường bị bó hẹp sẽ khiến cho trường mất khả năng tự chủ về tài chính.

##### **4.2.2. Đa dạng hóa nguồn thu**

- Thứ nhất, đối với nguồn kinh phí từ NSNN: Hiện nay nguồn ngân sách nhà nước vẫn chiếm tỷ trọng tương đối lớn và chỉ được giao tự chủ kinh phí đối với các khoản chi thường xuyên theo quy định của Nhà nước.

- Thứ hai, đối với nguồn thu sự nghiệp, thu dịch vụ từ các hoạt động của trường: đây là nguồn thu quan trọng mà trường có khả năng đa dạng hóa và ngày càng phát triển để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị.

- Thứ ba, nguồn kinh phí hoạt động của trường đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên hiện nay là nguồn vốn NSNN cấp và nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, hoạt động dịch vụ. Đây là nguồn kinh phí đảm bảo cho các hoạt động thường xuyên của trường.

- Thứ tư, bên cạnh việc mở rộng, khai thác nguồn thu thì việc quản lý tốt nguồn thu cũng cần được coi trọng để đảm bảo các nguồn thu được khai thác tối đa, quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả, phù hợp với chế độ, chính sách quy định của Nhà nước.

#### **4.2.3. Phân bổ hợp lý nguồn kinh phí cho nhiệm vụ chi thường xuyên, đảm bảo các khoản chi được thực hiện một cách tiết kiệm, hiệu quả**

- Thứ nhất, đối với các khoản chi thường xuyên cần giảm tỷ trọng của các nhóm mục chi mang tính chất quản lý hành chính trong chi hàng hóa, dịch vụ.

- Thứ hai, tăng cường chi mua sắm tài sản đáp ứng quy mô đào tạo, đồng thời theo dõi, quản lý chặt chẽ để đảm bảo hiệu quả các khoản chi ngân sách.

- Thứ ba, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Thứ tư, đối với các khoản chi thanh toán cho cá nhân, bên cạnh các nội dung chi theo chính sách, chế độ của Nhà nước như chi tiền lương, tiền công, phụ cấp lương...

- Thứ năm, ưu tiên cho chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn.

#### **4.2.4. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý tài chính**

- Tích cực cử các cán bộ làm công tác kế toán được đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

- Thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng các chế độ, chính sách mới về quản lý tài chính nhất là các văn bản mới liên quan đến cơ chế tự chủ tài chính.

- Có kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ về chính trị, tin học, ngoại ngữ nhằm trang bị kỹ năng cần thiết phục vụ công việc chuyên môn;

- Công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ là công việc không thể thiếu của công tác kế toán tài chính hàng năm, công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ giúp đơn vị phát hiện những sai sót trong công tác kế toán.

- Coi công tác kiểm toán là một việc không thể thiếu trong công tác kế toán tài chính hằng năm.

#### **4.2.5. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và công khai tài chính nhằm nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm**

- Để công tác quản lý tài chính được thực hiện một cách hiệu quả thì vấn đề kiểm tra, kiểm soát tài chính đối với Trường là rất cần thiết.

- Quy chế chi tiêu nội bộ phải gửi cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, giám sát thực hiện; gửi Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi.

- Các trường cần phải thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát.

- Thực hiện công khai tài chính trong đơn vị cũng là một trong những giải pháp tăng cường công tác kiểm tra và giám sát tài chính của Nhà trường.

- Tăng cường tính công khai minh bạch.

#### **4.2.6. Tăng cường công tác quản lý tài sản và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác chuyên môn nghiệp vụ**

- Các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên phải thường xuyên thực hiện việc theo dõi, quản lý và sử dụng tài sản.

- Tăng cường cơ sở vật chất: Từ việc hoạch định ngành học và quy mô đào tạo trong tương lai, định hướng ưu tiên phát triển cho các ngành học, các đơn vị cần đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật.

- Đưa công nghệ thông tin áp dụng trong công quản lý: tập huấn, nâng cao trình độ tin học cho CBVC.

### **4.3. Kiến nghị**

#### **4.3.1. Kiến nghị về phía các cơ sở giáo dục thành viên**



- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ mang tính chi tiết cụ thể hơn, đảm bảo tính công khai dân chủ và công bằng.
- Phải xây dựng chiến lược tài chính hợp lý cho đầu tư cơ sở vật chất ngắn hạn và dài hạn.
- Xây dựng bộ trí cán bộ phòng ban hợp lý tăng đội ngũ giảng viên về số lượng và chất lượng, đồng thời giảm đội ngũ cán bộ phục vụ.
- Tăng cường cán bộ có trình độ cao cho phòng Tài chính - Kế toán góp phần tăng cường cơ chế kiểm tra, kiểm soát tại đơn vị và tham mưu về cơ chế tài chính cho Hiệu trưởng được tốt hơn trong tình hình hiện nay.

#### **4.3.2. Kiến nghị về phía các cơ quan quản lý nhà nước**

- Các cơ chế chính sách mới được ban hành, đi liền sau đó phải có các văn bản hướng dẫn cụ thể để các đơn vị triển khai thực hiện đồng bộ, nhất quán.
- Cơ chế tự chủ tài chính đề cao trách nhiệm của đơn vị, nhưng cần tránh các việc làm tùy tiện, nằm ngoài khuôn khổ pháp luật.
- Sớm ban hành các văn bản hướng dẫn, các tiêu chí đánh giá mức độ và chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị được giao quyền tự chủ tài chính.

### **KẾT LUẬN**

Sự nghiệp giáo dục đào tạo nước ta trong hơn 20 năm đổi mới đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần vào thắng lợi chung sự nghiệp đổi mới đất nước của toàn Đảng, toàn dân ta; đồng thời cũng đã tạo ra những tiền đề cần thiết tiếp tục tự đổi mới trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Cơ chế tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ, đã tăng cường tính tự chủ cho các đơn vị, cơ sở cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị phát huy mọi khả năng của mình, tăng nguồn thu nhằm từng bước giải quyết thu nhập cho người lao động.

Triển khai áp dụng cơ chế tự chủ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính Phủ, các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên đã chủ động hơn trong việc cải tạo và mở rộng các chương trình đào tạo như đào tạo theo nhu cầu của xã hội, đi kèm thí điểm chương trình chất lượng cao và đào tạo các dịch vụ giáo dục. Đồng thời các đơn vị giáo dục đã tích cực đề cân bằng hoạt động tài chính, tiết kiệm chi thường xuyên để đầu tư cơ sở hạ tầng, mua sắm thiết bị phục vụ đào tạo, sử dụng các nguồn lực một cách có hiệu quả, nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện không tránh khỏi những vướng mắc. Do vậy, đòi hỏi cần phải có sự nghiên cứu chính sách vận dụng cho phù hợp với hoạt động thực tiễn của đơn vị.

Trên cơ sở vận dụng các phương pháp nghiên cứu và thực tiễn áp dụng cơ chế tự chủ về tài chính của các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên, đề tài đã hoàn thành những nhiệm vụ sau:

*Thứ nhất*, tổng quan về giáo dục đại học và cơ chế tự chủ về tài chính ở các cơ sở giáo dục đại học công lập.

*Thứ hai*, trên cơ sở khảo sát thực tế tại các trường đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên, đề tài đã nêu được thực trạng tự chủ về tài chính tại các trường. Từ đó, đánh giá những mặt đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong quá trình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính. Đánh giá được thực trạng công tác quản lý tài chính tại Đại học Thái Nguyên. Thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện Nghị định 43/NĐ-CP

*Thứ ba*, đề xuất một số giải pháp nâng cao tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục Đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên và định hướng thực hiện quy chế tự chủ theo Nghị định số 16/NĐ-CP tại Đại học Thái Nguyên phục vụ mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Đại học.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy định trong công tác quản lý tài chính.
- Công nghệ thông tin trong quá trình quản lý tài chính

Nhóm nghiên cứu rất mong những giải pháp trên sẽ góp phần nâng cao quyền tự chủ tài chính cho các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên nhằm thực hiện chiến lược đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học theo tinh thần các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước Việt Nam.